TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22.01.2018
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Tăng Văn Chín
2. Bà Phạm Kim Tuyến
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Trung Thu - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>: Chị ***Huỳnh Thị Bé T*** sinh năm 1986
Trú tại: ấp A, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ.
2. <u>Bị đơn</u>: Anh ***Nguyễn Thanh I*** sinh năm 1984
Trú tại: khu vực O, phường L, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. <u>Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung</u>:
Cháu ***Nguyễn Hoàng D*** sinh ngày 21.12.2005
(Đang sống với chị Tý tại ấp A, xã P, huyện C, tp Cần Thơ; Và do chị T là người giám hộ).

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 29.11.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé T trình bày:

Do tự nguyện quen biết và yêu thương nhau nên vào tháng 11 năm 2004, chị với anh Nguyễn Thanh I được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng làm thuê và sinh sống tại ấp A, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh I không lo làm kinh tế, mà thường xuyên rượu trà, cờ bạc. Chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh I không từ bỏ mà mâu thuẫn càng thêm trầm trọng nên từ tháng 10.2017 vợ chồng quyết định ly thân nhau. Sau ly thân chị tiếp tục sống tại ấp A, xã P, huyện C, còn anh I về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột khu vực O, phường L, quận T từ đó đến nay.

Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 21.12.2005, hiện đang sống với chị T và bên ngoại tại ấp A, xã P, huyện C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh I.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 21.12.2005 đến trưởng thành; Yêu cầu anh I có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 09.01.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Nguyễn Thanh I trình bày:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé T về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 2004 anh và chị T tự nguyện chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi vã làm cho hạnh phúc gia đình bị đỗ vỡ không thể hàn gắn được. Anh thừa nhận trong thời gian chung sống với chị T, anh có tham gia rượu trà, cờ bạc nên mâu thuẫn gia đình ngày càng gay gắt nên tháng 10.2017 thì vợ chồng chính thức ly thân nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 21.12.2005, hiện do chị T nuôi dưỡng. Anh đồng ý ổn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 09.01.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Nguyễn Hoàng D trình bày:

Cháu là con của Nguyễn Thanh I và Huỳnh Thị Bé T. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ và bên ngoại tại ấp A, xã P, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được sống với mẹ là Huỳnh Thị Bé T đến trưởng thành, yêu cầu cha là Nguyễn Thanh I cấp dưỡng nuôi con.

Do chị T và anh I không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan *(con chung)* để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ theo yêu cầu ban đầu; Ngoài ra anh I tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000 đồng đến khi trưởng thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

./ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự; Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con Nguyễn Hoàng D của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé T, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bị đơn anh Nguyễn Thanh I.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị Bé T với anh Nguyễn Thanh I tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T làm đơn xin ly hôn đối với anh I, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh I thống nhất khai: anh chị chung sống năm 2004 được gia đình hai bên tác hợp, có tổ chức lễ cưới vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn - Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C *(bút lục: 38)* nên có căn cứ xác định giữa chị T với anh I không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị Tý xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiến bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, anh I thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên khi xảy ra mâu thuẫn thì anh I không an ủi, cư xử đúng mực với chị T nên từ tháng 10.2017 anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng chị T và anh I không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh I; qua yêu cầu ly hôn của chị T thì anh I thống nhất đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ tháng 10.2017 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh I mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Bé T với anh Nguyễn Thanh I là phù hợp.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng D sinh ngày 21.12.2005, hiện đang sống với chị T; Ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của cháu D nên có căn cứ xác định cháu D là con chung của chị T và anh I là sự thật.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi con chung; Anh I thống nhất ổn định cho chị T được quyền nuôi con đến trưởng thành, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu D được sống với chị T, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu D vẫn liên tục sống cùng mẹ, được sự chăm sóc chu đáo từ chị T và gia đình bên ngoại. Hơn nữa, sự thỏa thuận trên không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của cháu D nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Anh I tự nguyện cấp dưỡng 650.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, khi mức cấp dưỡng không còn phù hợp với điều kiện thực tế thì đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bé T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Huỳnh Thị Bé T với anh Nguyễn Thanh I là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Chị Huỳnh Thị Bé T được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Hoàng D sinh ngày 21.12.2005 đến trưởng thành. Anh Nguyễn Thanh I có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 650.000 đồng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh I có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh I thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Huỳnh Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số 003661 ngày 22.12.2017 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: anh Nguyễn Thanh I phải nộp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền